

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/8/2019
Về yêu cầu thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Kỳ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Hợp, bà Phùng Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Tân Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th. Sinh năm 1992

HKTT: Xóm G, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Anh L, sinh năm 1988

HKTT: Xóm G, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2019 và bản tự khai ngày 04/6/2019, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Do vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nên tháng 8/2018, chị Th đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết việc ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, về phần nuôi con chung hai bên thỏa thuận anh Hoàng Anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Khánh A, sinh ngày 22/11/2015. Tuy nhiên sau khi ly hôn, chị Th đến thăm con thì anh L thường xuyên cản trở việc chị Th thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con và có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị Th. Hiện nay anh L là lao động tự do, không có công việc ổn định, không có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tốt nhất. Chị Th hiện có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng là 16.000.000đ, chị có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn anh L. Vì vậy chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2019, anh Hoàng Anh L trình bày:

Do mâu thuẫn vợ chồng, anh và chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018, về con chung, anh Hoàng Anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Khánh An, sinh năm 2015. Nay chị Th yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, anh không đồng ý vì các lý do sau:

1. Sau khi ly hôn, chị Th không có nhà ở ổn định, sống chung với bố, mẹ đẻ và gia đình anh trai. Gia đình mẹ đẻ chị Th hiện đang kinh doanh dịch vụ nhạ y cảm (Karaoke), môi trường như vậy theo anh L có ảnh hưởng xấu trực tiếp đến sự hình thành phát triển nhân cách con gái anh.

2. Chị Th hiện đi làm cho 2 công ty, quá bận rộn với công việc, đi sớm về muộn, không có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con gái một cách đầy đủ. Trước và sau khi ly hôn, những lúc con ốm, sốt chị Th là một người mẹ vẫn bận rộn với công việc và có thời gian đi chơi với bạn bè mà không quan tâm đến con nên chị Th không đủ tư cách nuôi dạy con.

3. Sau khi ly hôn, anh L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, không cản trở chị Th thăm nom con. Tuy nhiên nhiều lần chị Th đón con về nhưng lại bỏ con cho ông, bà ngoại để đi chơi.

4. Khi ly hôn, con mới tròn 25 tháng tuổi nhưng chị Th đã từ bỏ quyền trực tiếp nuôi con mà để anh L trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu vẫn được nuôi dưỡng và chăm sóc đầy đủ.

5. Về điều kiện vật chất: Anh L hiện đang kinh doanh vận tải, có 1 xe ô tải và 1 ô tô du lịch, thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng khoảng 30.000.000đ, có nhà cửa ổn định lại có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra còn có mẹ anh L ở nhà làm nội trợ và có đủ điều kiện, thời gian hỗ trợ anh L chăm sóc cháu Hoàng Khánh A. Anh L hiện đang thực hiện tốt quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con gái tốt.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được quan điểm. Chị Th vẫn cho rằng anh L luôn cản trở chị đến thăm nom con, không đủ tư cách và hiện không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con được tốt nhất. Về phía anh L vẫn khẳng định mình đang thực hiện tốt nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn yêu cầu.

Anh L vẫn giữ quan điểm không đồng ý thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, đưa ra quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và không có khiếu nại gì.

Về nội dung: Chị Th cho rằng anh L không đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, tuy nhiên các chứng cứ chị Th đưa ra đều chưa đủ căn cứ để chứng minh. Thực tế hiện anh L có nghề lái xe, có thu nhập ổn định, vẫn đang thực hiện tốt nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con và vẫn có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Việc chị Th cho rằng anh L ngăn cản việc thăm nom con nhưng chị Th không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, chính quyền địa phương cũng không nhận được phản ánh từ chị Th. Để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của cháu Hoàng Khánh A,

nên để anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là phù hợp. Đề nghị HĐXX bác đơn yêu cầu khởi kiện của chị Th, chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn, anh Hoàng Anh L có HKTT và chỗ ở tại xóm G, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

[2] Về nội dung: Đây là quan hệ pháp luật yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Trong phần tranh tụng, chị Th chứng minh bản thân hiện nay có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng 16.000.000đ, có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt nhất. Chị Th đưa ra các chứng cứ cho rằng anh L ngăn cản chị thăm nom con chung, nhắn tin có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị Th, hiện anh Long còn nợ Ngân hàng 31 triệu đồng và Ngân hàng đã có đơn khởi kiện anh L, nhà anh L hiện đang ở thuộc diện phải giải tỏa, do đó không đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con.

Anh L cho rằng những chứng cứ chị Th đưa ra không làm ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh. Hiện anh vẫn đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tốt nhất. Anh L không đồng ý thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Qua xác minh thấy rằng, hiện anh L và cháu Hoàng Khánh A đang sống chung cùng mẹ anh L là bà Hoàng Thị L1, có nhà ở. Anh L làm nghề lái xe, gia đình có 01 xe ô tô tải và 01 xe ô tô con 7 chỗ làm dịch vụ, có thu nhập ổn định. Bà L1, mẹ anh L ở nhà nội trợ và có điều kiện, thời gian hỗ trợ anh L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu tốt. Hiện cháu Hoàng Khánh A vẫn được anh L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục với điều kiện tốt, đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu.

Về phía chị Th có công việc, thu nhập ổn định, hiện đang sống nhờ bố mẹ đẻ và gia đình anh trai, về điều kiện có thể đảm bảo việc trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên các chứng cứ chị Th đưa ra chưa thuyết phục, chưa đủ cơ sở để khẳng định rằng anh L hiện nay không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt nhất, do đó không chấp nhận đơn yêu cầu thay đổi quyền nuôi con của chị Nguyễn Thị Th là có căn cứ.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật TTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử bác đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Việc nuôi con chung sau khi ly hôn tiếp tục được thực hiện

theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Chị Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này, nếu cố tình ngăn cản thì có thể bị xử lý theo pháp luật. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000493 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến

(28):

(29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02

tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 52-DS: Bản án dân sự sơ thẩm